TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/DS-ST
Ngày: 14/6/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC , tỉnh Trà Vinh.

Trong các ngày 13 và 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC , tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2021/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng góp hụi; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2023/QĐST- DS, ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2023/QĐST-DS, ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

Chị Sơn Thị Th, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bà Kim Thị Sa T, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô T, xã HT, huyện TC , tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Kim Thị Sa T: Chị Sơn Thị Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp Ô T, xã HT, huyện TC , tỉnh Trà Vinh, là người đại diện theo ủy quyền (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:*

Chị Kim Thị N, sinh năm 1972 và anh Thạch S, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô T, xã HT, huyện TC , tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Kim Thị Sa T và chị Sơn Thị Th trình bày:

Chị Kim Thị N và anh Thạch S có làm đầu thảo nhiều dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/phần, 3.000.000 đồng/phần, 01 tháng khui 01 lần và 5.000.000 đồng/phần, khui theo vụ lúa. Việc chơi hụi chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng bằng văn bản, đầu thảo có giao danh sách hụi cho từng hụi viên để theo dõi, đối chiếu định kỳ khi khui hụi. Theo thỏa thuận, hình thức lĩnh hụi là thành viên trong dây hụi bỏ thăm cao nhất thì hốt. Đầu thảo có trách nhiệm gom tiền của hụi viên đóng và giao tiền cho hụi viên được hốt hụi; được hưởng huê hồng 800.000 đồng đối với hụi 2.000.000 đồng/phần, 1.200.000 đồng đối với hụi 3.000.000 đồng/phần và 2.000.000 đồng đối với hụi 5.000.000 đồng/phần sau mỗi lần khui hụi; trường hợp hụi viên không đóng hụi thì đầu thảo phải choàng hụi.

Bà Sa T tham gia 02 dây: Loại hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 11/12/2019, 01 tháng khui 01 lần (dây 36) gồm có 16 phần, bà Sa T đóng hụi sống 5.110.000 đồng, hụi úp ngày 01/4/2020 và loại hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 25/3/2018, khui theo vụ lúa (dây 1) gồm có 16 phần, bà Sa T đóng hụi sống 17.680.000 đồng. Tổng cộng bà Sa T đã đóng hụi sống các dây hụi nêu trên bằng 22.790.000 đồng.

Chị Th tham gia 15 dây: 04 dây loại hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 11/12/2019, 01 tháng khui 01 lần, chị Th đóng hụi sống dây 35 bằng 5.110.000 đồng, dây 32 bằng 5.090.000 đồng, dây 33 bằng 5080.000 đồng và dây 34 bằng 5090.000 đồng; 03 dây loại hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 01/9/2019, 01 tháng khui 01 lần, chị Th đóng hụi sống dây 08 bằng 3.790.000 đồng, dây 09 bằng 3.800.000 đồng và dây 10 bằng 3.820.000 đồng; 03 dây loại hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 01/9/2019, 01 tháng khui 01 lần, chị Th đóng hụi sống dây 05 bằng 9.330.000 đồng, dây 04 bằng 9.240.000 đồng và dây 03 bằng 9.330.000 đồng; 02 dây loại hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 01/9/2019, 01 tháng khui 01 lần, chị Th đóng hụi sống dây 17 bằng 6.580.000 đồng và dây 13 bằng 7.020.000 đồng; 02 dây loại hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 01/5/2019, 01 tháng khui 01 lần, chị Th đóng hụi sống dây 09 bằng 12.720.000 đồng và dây 04 bằng 12.310.000 đồng; 01 dây loại 5.000.000 đồng, khui ngày 25/3/2018, khui theo vụ lúa, chị Th đóng hụi sống bằng 17.240.000 đồng. Tổng cộng chị Th đã đóng hụi sống trong các dây hụi nêu trên bằng 115.480.000 đồng.

Nay bà Sa T và chị Th yêu cầu vợ chồng N và anh S trả cho chị số tiền hụi sống đã đóng trong các dây hụi nêu trên, không yêu cầu trả lãi hụi.

Đối với bị đơn chị Kim Thị N và anh Thạch S đã được Tòa án Thông báo, Triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; các đương sự sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng vẫn không nộp văn bản nêu ý kiến của mình để Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Kim Thị Sa T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia tố tụng; chị Sơn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Kim Thị N và anh Thạch S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bà Kim Thị Sa T khởi kiện, yêu cầu chị Kim Thị N và anh Thạch S trả nợ hụi sống 02 dây bằng 22.790.000 đồng, không yêu cầu trả lãi hụi (hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 11/12/2019, 01 tháng khui 01 lần, dây 36 và hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 25/3/2018, khui theo vụ lúa, dây 1). Chị Sơn Thị Th khởi kiện, yêu cầu chị Kim Thị N và anh Thạch S trả nợ hụi sống 15 dây bằng 115.480.000 đồng (Loại hụi tháng gồm: 04 dây loại hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 11/12/2019; 03 dây loại hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 01/9/2019; 03 dây loại hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 01/9/2019; 02 dây loại hụi 2.000.000 đồng; 02 dây loại hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 01/5/2019 và 01 dây hụi khui theo vụ lúa, loại 5.000.000 đồng, khui ngày 25/3/2018).

Đối với chị Kim Thị N và anh Thạch S, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về viêc thụ lý vụ án, Thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng các đương sự không có văn bản nêu ý kiến nộp cho Tòa án để phản đối. Mặt khác, căn cứ vào các quyết định công nhận sự thỏa thuận số: 791, 792, 798, 808, 809, 810/2021/QĐST-DS, ngày 01/02/2021 và 905/2021/QĐST-DS, ngày 08/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện TC và văn bản xác nhận của các hụi viên có tham gia chung các dây hụi với bà Sa T và chị Th, cũng chứng minh được chị Kim Thị N và anh Thạch S có tổ chức các dây hụi, có bà Sa T và chị Th tham gia, có đóng hụi sống nêu trên.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Sa T và chị Th là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Buộc chị N và anh S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Sa T và chị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Sa T và chị Sơn Thị Th.

Buộc chị Kim Thị N và anh Thạch S có nghĩa vụ trả cho bà Kim Thị Sa T số tiền nợ hụi sống bằng 22.790.000 đồng, bà Sa T không yêu cầu trả lãi hụi nên không xem xét.

Buộc chị Kim Thị N và anh Thạch S có nghĩa vụ trả cho chị Sơn Thị Th số tiền nợ hụi sống bằng 115.480.000 đồng, chị Th không yêu cầu trả lãi hụi nên không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của bên được T hành án, cho đến khi T hành án xong, hàng tháng bên phải T hành án còn phải chịu thêm cho bên được T hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa T hành án.

2. Về án phí:

Buộc chị Kim Thị N và anh Thạch S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 6.913.500 đồng.

Bà Kim Thị Sa T và chị Sơn Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Sa T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp bằng 815.000 đồng, theo các biên lai thu tiền số 0002752, 0002753, ngày 01/11/2021 và hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp bằng 3.365.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0002754, 0002755, 0002756, 0002757, 0002758, 0002759, 0002760, 0002761, 0002762, 0002763, 0002764, 0002765, 0002766, 0002767 và 0002768, ngày 01/11/2021 của Chi cục T hành án dân sự huyện TC .

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự, thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Tiên Nghiệm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC ;
- Chi cục THADS huyện TC ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.